

QUYẾT ĐỊNH

**V/v điều chỉnh, bổ sung và hủy bỏ công trình, dự án trong
Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và cập nhật công trình, dự án vào
Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh
quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
Căn cứ Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của
HĐND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung danh mục công trình, dự án phát triển
kinh tế - xã hội cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển
mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022 (lần 3);
Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của
UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 -
2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Vị Thanh;
Căn cứ Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của
UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 -
2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Châu Thành;
Căn cứ Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của
UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 -
2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phụng Hiệp;*

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Long Mỹ;

Căn cứ Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Châu Thành A;

Căn cứ Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thị xã Long Mỹ;

Căn cứ Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Ngã Bảy;

Căn cứ Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Vị Thủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 504/TTr-STNMT ngày 28 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh, bổ sung và hủy bỏ đối với 54 công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Vị Thanh, huyện Vị Thủy, huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, huyện Long Mỹ và huyện Phụng Hiệp (Đính kèm Phụ lục I).

Điều 2. Quyết định cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện đối với 65 công trình, dự án (Đính kèm Phụ lục II).

Điều 3. Giao UBND huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thực hiện:

- Công bố công khai các công trình, dự án đã được điều chỉnh, bổ sung, hủy bỏ và được cập nhật nêu trên theo đúng quy định.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Chủ đầu tư lập thủ tục về đất đai theo đúng quy định và cập nhật, bổ sung vào Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) tỉnh Hậu Giang và Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai thuộc Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 cấp huyện đảm bảo thống nhất, chính xác và đúng quy định hiện hành.

- Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để làm cơ sở đánh giá, chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện theo quy định.

Điều 4. Giám đốc: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NCTH._{STP}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Cảnh Tuyên

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀ HỦY BỎ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021 - 2030 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Loại đất, tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch đã được phê duyet (ha)	Diện tích điều chỉnh giảm (ha)	Diện tích điều chỉnh tăng (ha)	Diện tích quy hoạch sau điều chỉnh (ha)	Ghi chú
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)= (1)+(2)+(3)	
I	Đất ở tại đô thị	11	167.730	-39.210	30.000	158.520	
*	Huyện Châu Thành	5	49.690	-26.620	20.000	43.070	
1	Khu tái định cư thị trấn Ngã Sáu - giai đoạn 2	Thị trấn Ngã Sáu	4.000	-1.450	0.000	2.550	Điều chỉnh vị trí, điều chỉnh quy mô diện tích dự án
2	Khu tái định cư thị trấn Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Thị trấn Ngã Sáu	7.290	-5.170	0.000	2.120	Điều chỉnh tên, địa điểm và điều chỉnh quy mô diện tích dự án
3	Khu tái định cư Mái Dầm	Thị trấn Mái Dầm	0.000	0.000	20.000	20.000	Bổ sung số lượng công trình, dự án
4	Khu đô thị - dịch vụ	Thị trấn Mái Dầm	20.000	-7.200	0.000	12.800	Điều chỉnh quy mô diện tích dự án
5	Khu đô thị mới 5, thị trấn Mái Dầm	Thị trấn Mái Dầm	18.400	-12.800	0.000	5.600	Điều chỉnh quy mô diện tích dự án
*	Huyện Châu Thành A	2	102.000	-10.000	10.000	102.000	
1	Khu tái định cư Tân Hòa	Thị trấn Bảy Ngàn	0.000	0.000	10.000	10.000	Bổ sung số lượng công trình, dự án
2	Đất ở đô thị trong Khu đô thị mới thị trấn Một Ngàn (tổng diện tích khu đô thị mới là 102 ha, trong đó đất ở đô thị là 50,22 ha)	Thị trấn Một Ngàn	102.000	-10.000	0.000	92.000	Điều chỉnh quy mô diện tích dự án
*	Thành phố Vị Thanh	2	10.040	-2.590	0.000	7.450	
1	Khu tái định cư thành phố Vị Thanh (giai đoạn 2)	Phường IV	6.200	-2.200	0.000	4.000	Điều chỉnh quy mô diện tích dự án
2	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu đô thị mới đường Hòa Bình, thành phố Vị Thanh	Phường V	3.840	-0.390	0.000	3.450	Điều chỉnh tên (từ Khu dân cư hai bên đường Hòa Bình nối dài thành Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu đô thị mới đường Hòa Bình, thành phố Vị Thanh) và thay đổi quy mô dự án

STT	Loại đất, tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch đã được phê duyet (ha)	Diện tích điều chỉnh giảm (ha)	Diện tích điều chỉnh tăng (ha)	Diện tích quy hoạch sau điều chỉnh (ha)	Ghi chú
*	Huyện Vị Thủy	1	3.600	0.000	0.000	3.600	
1	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Thị trấn Nàng Mau	3.600	0.000	0.000	3.600	Điều chỉnh địa điểm và tên dự án
*	Huyện Long Mỹ	1	2.400	0.000	0.000	2.400	
1	Khu tái định cư thị trấn Vĩnh Viễn phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Thị trấn Vĩnh Viễn	2.400	0.000	0.000	2.400	Điều chỉnh tên dự án
II	Đất ở tại nông thôn	8	62.670	-5.820	5.700	62.550	
*	Huyện Châu Thành A	2	53.000	-2.000	2.000	53.000	
1	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh giai đoạn 2	xã Tân Phú Thạnh	4.000	0.000	2.000	6.000	Bổ sung số lượng công trình, dự án
2	Khu dân cư nông thôn, tái định cư và nhà ở xã hội xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	xã Nhơn Nghĩa A và xã Thạnh Xuân	49.000	-2.000	0.000	47.000	Điều chỉnh quy mô diện tích dự án
*	Huyện Phụng Hiệp	6	9.670	-3.820	3.700	9.550	
1	Khu tái định cư xã Bình Thành phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Xã Bình Thành	5.000	0.000	0.000	5.000	Điều chỉnh địa điểm và tên dự án
2	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn mới Phú Khởi	Xã Thạnh Hòa	0.000	0.000	3.700	3.700	Bổ sung số lượng công trình, dự án
3	Tuyển dân cư Địa Chìm	Xã Phụng Hiệp	1.520	-1.520	0.000	0.000	
4	Tuyển dân cư Hai Ban	Xã Phụng Hiệp	1.400	-1.400	0.000	0.000	
5	Tuyển dân cư cặp Kênh 1000	Xã Phương Phú	0.750	-0.750	0.000	0.000	
6	Khu tái định cư Tân Long	Xã Tân Long	1.000	-0.150	0.000	0.850	Dự án đã thực hiện với diện tích là 0,85ha, còn lại không có nhu cầu thực hiện 0,15ha

STT	Loại đất, tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch đã được phê duyet (ha)	Diện tích điều chỉnh giảm (ha)	Diện tích điều chỉnh tăng (ha)	Diện tích quy hoạch sau điều chỉnh (ha)	Ghi chú
III	Đất sinh hoạt cộng đồng	28	3.420	-1.557	1.040	2.903	
*	Huyện Vị Thủy	14	2.260	-0.870	0.870	2.260	
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4	Xã Vị Đông	0.000	0.000	0.100	0.100	Bổ sung số lượng công trình, dự án
2	Nhà văn hóa ấp 5	Xã Vị Đông	0.000	0.000	0.040	0.040	Bổ sung số lượng công trình, dự án
3	Nhà văn hóa ấp 8	Xã Vị Đông	0.000	0.000	0.050	0.050	Bổ sung số lượng công trình, dự án
4	Nhà văn hóa ấp 1	Xã Vị Đông	0.050	-0.020	0.000	0.030	Điều chỉnh quy mô diện tích dự án
5	Nhà văn hóa ấp 2	Xã Vị Đông	0.000	0.000	0.190	0.190	Bổ sung số lượng công trình, dự án
6	Nhà văn hóa ấp 3	Xã Vị Đông	0.050	-0.020	0.000	0.030	Điều chỉnh quy mô diện tích dự án
7	Nhà văn hóa ấp 3A	Xã Vị Đông	0.000	0.000	0.140	0.140	Bổ sung số lượng công trình, dự án
8	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 6	Xã Vị Đông	0.050	0.000	0.040	0.090	Thay đổi tên (từ Nhà văn hóa ấp 6, xã Vị Đông) và điều chỉnh quy mô diện tích dự án
9	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7	Xã Vị Đông	0.000	0.000	0.190	0.190	Bổ sung số lượng công trình, dự án
10	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 2	Xã Vị Bình	0.050	0.000	0.040	0.090	Thay đổi tên (từ Nhà Văn hóa ấp 2, xã Vị Bình), quy mô và địa điểm dự án
11	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 9B	Xã Vị Bình	0.080	0.000	0.080	0.160	Điều chỉnh quy mô diện tích và địa điểm dự án
12	Nhà Văn hóa ấp 9A1	Xã Vị Bình	0.050	-0.010	0.000	0.040	Điều chỉnh quy mô diện tích và địa điểm dự án
13	Nhà văn hóa ấp 9A2	Xã Vị Bình	0.080	-0.010	0.000	0.070	Thay đổi tên (từ Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 9A2, xã Vị Bình), quy mô, địa điểm (tờ bản đồ địa chính số 01 sang 04)
14	Nhu cầu phát triển đất sinh hoạt cộng đồng	Các xã, thị trấn	1.850	-0.810	0.000	1.040	
*	Huyện Phụng Hiệp	14	1.160	-0.687	0.170	0.643	
1	Nhà văn hóa ấp Mỹ Chánh A	Xã Hiệp Hưng	0.050	-0.017	0.000	0.033	Điều chỉnh địa điểm và điều chỉnh quy mô diện tích dự án
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Hiệp Hòa	Xã Hiệp Hưng	0.050	0.000	0.000	0.050	Điều chỉnh tên dự án (từ Nhà văn hóa ấp Hiệp Hòa thành Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Hiệp Hòa) và địa điểm dự án.

STT	Loại đất, tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch đã được phê duyet (ha)	Diện tích điều chỉnh giảm (ha)	Diện tích điều chỉnh tăng (ha)	Diện tích quy hoạch sau điều chỉnh (ha)	Ghi chú
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Long Phụng	Xã Hiệp Hưng	0.050	0.000	0.030	0.080	Điều chỉnh tên dự án (từ Nhà văn hóa ấp Long Phụng thành Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Long Phụng), quy mô và địa điểm dự án.
4	Nhà văn hóa ấp Hưng Thạnh	Xã Hiệp Hưng	0.050	-0.020	0.000	0.030	Điều chỉnh quy mô và địa điểm dự án.
5	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Lợi A	Xã Hiệp Hưng	0.050	0.000	0.000	0.050	Điều chỉnh tên dự án (từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Lợi A thành Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Lợi A) và địa điểm dự án.
6	Nhà văn hóa ấp Mỹ Lợi B	Xã Hiệp Hưng	0.050	-0.020	0.000	0.030	Điều chỉnh quy mô và địa điểm dự án.
7	Nhà văn hóa ấp Long Phụng A	xã Hiệp Hưng	0.050	-0.020	0.000	0.030	Điều chỉnh quy mô và địa điểm dự án.
8	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Quyết Thắng	xã Hiệp Hưng	0.050	0.000	0.030	0.080	Điều chỉnh quy mô và địa điểm dự án.
9	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Chánh	Xã Hiệp Hưng	0.090	-0.010	0.000	0.080	Điều chỉnh tên dự án (từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Chánh thành Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Chánh) và quy mô dự án
10	Nhà văn hóa ấp Quyết Thắng B	Xã Hiệp Hưng	0.050	-0.010	0.000	0.040	Điều chỉnh quy mô dự án.
11	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Quyết Thắng A	Xã Hiệp Hưng	0.000	0.000	0.110	0.110	Bổ sung số lượng công trình, dự án
12	Nhà văn hóa ấp Lái Hiếu	Xã Hiệp Hưng	0.050	-0.020	0.000	0.030	Điều chỉnh quy mô dự án.
13	Nhà văn hóa ấp Mỹ Hưng	Xã Hiệp Hưng	0.270	-0.270	0.000	0.000	Hủy dự án do trên địa bàn ấp Mỹ Hưng sẽ đầu tư 01 dự án là Trung tâm văn hóa – Thể thao xã Hiệp Hưng
14	Nhà văn hóa ấp Mỹ Quới	Thị trấn Cây Dương	0.300	-0.300	0.000	0.000	Hủy dự án do Nhà văn hóa ấp Mỹ Quới đã đầu tư xây dựng xong trên phần đất do Nhà nước quản lý
IV	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	3	6.250	-0.090	0.090	6.250	
*	Huyện Vị Thủy	3	6.250	-0.090	0.090	6.250	
1	Trung tâm văn hóa xã Vị Bình	Xã Vị Bình	0.250	0.000	0.040	0.290	Thay đổi tên (Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vị Bình) và quy mô dự án
2	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã	Xã Vị Đông	0.250	0.000	0.050	0.300	Thay đổi tên (Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vị Đông) và quy mô dự án
3	Nhu cầu xây dựng cơ sở văn hóa theo quy hoạch nông thôn mới	Các xã	5.750	-0.090	0.000	5.660	

STT	Loại đất, tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch đã được phê duyet (ha)	Diện tích điều chỉnh giảm (ha)	Diện tích điều chỉnh tăng (ha)	Diện tích quy hoạch sau điều chỉnh (ha)	Ghi chú
V	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	2	10.780	-0.260	0.260	10.780	
*	Huyện Phụng Hiệp	2	10.780	-0.260	0.260	10.780	
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Hiệp Hưng	Xã Hiệp Hưng	0.250	0.000	0.260	0.510	Điều chỉnh địa điểm và điều chỉnh quy mô diện tích dự án
2	Nhu cầu đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	Các xã, thị trấn	10.530	-0.260	0.000	10.270	
VI	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	2	1.800	-0.290	0.000	1.510	
*	Huyện Vị Thủy	2	1.800	-0.290	0.000	1.510	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Vị Bình 1	Xã Vị Bình	0.800	-0.110	0.000	0.690	Thay đổi tên dự án (Trường tiểu học Vị Bình 1) và địa điểm dự án (từ bản đồ địa chính số 12 sang 13)
2	Trường Tiểu học Trần Quang Diệu, xã Vị Tân	Xã Vị Tân	1.000	-0.180	0.000	0.820	Điều chỉnh quy mô diện tích dự án
Tổng (I+II+III+IV+V+VI):		54	252.650	-47.227	37.090	242.513	

Phụ lục II

CẬP NHẬT, BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CÁ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm			Địa điểm thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất		
						Đất trồng lúa (LUA) (ha)	Đất khác (ha)	
I	Huyện Châu Thành	10	31.734	0.290	31.444	8.670	22.774	
A	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	7	31.294	0.000	31.294	8.590	22.704	
1	Kè phòng, chống sạt lở bờ sông Mái Dầm, tỉnh Hậu Giang	Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 10 thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	0.350	0.000	0.350	0.100	0.250	Thị trấn Mái Dầm
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A giai đoạn 3	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang	4.100	0.000	4.100	0.800	3.300	Thị trấn Mái Dầm
3	Khu tái định cư Mái Dầm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	20.000	0.000	20.000	5.790	14.210	Thị trấn Mái Dầm
4	Kè chống sạt lở sông Mái Dầm (đoạn từ ngã ba Trạm Y tế đến UBND xã Đông Phước và đoạn từ cầu BOT đến Vàm kênh Cái Muồng cụt, huyện Châu Thành)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh	2.120	0.000	2.120	0.000	2.120	Xã Đông Phước và Xã Phú Hữu
5	Nhà văn hóa ấp Đông Thuận	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	0.054	0.000	0.054	0.000	0.054	Xã Đông Thạnh
6	Khu tái định cư thị trấn Ngã Sáu - giai đoạn 2	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	2.550	0.000	2.550	1.700	0.850	Thị trấn Ngã Sáu
7	Khu tái định cư thị trấn Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2.120	0.000	2.120	0.200	1.920	Thị trấn Ngã Sáu
B	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	1	0.150	0.000	0.150	0.080	0.070	
1	Họ đạo Cái Chanh	Họ đạo Cái Chanh	0.150	0.000	0.150	0.080	0.070	Xã Đông Thạnh
C	Công trình, dự án giao, cho thuê và đấu giá quyền sử dụng đất	2	0.290	0.290				
1	Tuyển dân cư (dự kiến đấu giá quyền sử dụng đất nhà thông tin ấp Thạnh Thuận)		0.010	0.010				Xã Đông Thạnh

2	Khu vượt lũ Phú Hữu A (28 nền)		0.280	0.280				Thị trấn Mái Dầm
II	Huyện Châu Thành A	3	16.285	0.230	16.055	10.623	5.432	
A	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	2	16.000	0.000	16.000	10.570	5.430	
1	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh giai đoạn 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	6.000	0.000	6.000	2.350	3.650	Xã Tân Phú Thạnh
2	Khu tái định cư Tân Hòa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	10.000	0.000	10.000	8.220	1.780	Thị trấn Bảy Ngàn
B	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	1	0.285	0.230	0.055	0.053	0.002	
1	Cửa hàng xăng dầu	Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	0.285	0.230	0.055	0.053	0.002	Xã Tân Hoà
III	Huyện Phụng Hiệp	18	10.543	0.700	9.843	3.960	5.883	
A	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	13	9.843	0.000	9.843	3.960	5.883	
1	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Hiệp Hưng	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.510	0.000	0.510	0.000	0.510	Xã Hiệp Hưng
2	Nhà văn hóa ấp Mỹ Chánh A	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.033	0.000	0.033	0.000	0.033	Xã Hiệp Hưng
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Hiệp Hòa	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.050	0.000	0.050	0.000	0.050	Xã Hiệp Hưng
4	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Long Phụng	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.080	0.000	0.080	0.040	0.040	Xã Hiệp Hưng
5	Nhà văn hóa ấp Hưng Thạnh	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.030	0.000	0.030	0.000	0.030	Xã Hiệp Hưng
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Lợi A	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.050	0.000	0.050	0.000	0.050	Xã Hiệp Hưng
7	Nhà văn hóa ấp Mỹ Lợi B	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.030	0.000	0.030	0.000	0.030	Xã Hiệp Hưng
8	Nhà văn hóa ấp Long Phụng A	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.030	0.000	0.030	0.000	0.030	xã Hiệp Hưng
9	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Quyết Thắng	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.080	0.000	0.080	0.000	0.080	xã Hiệp Hưng

10	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn mới Phú Khởi	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	3.700	0.000	3.700	0.000	3.700	Xã Thanh Hòa
11	Trường Tiểu học Hiệp Hưng 1. Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.070	0.000	0.070	0.000	0.070	Xã Hiệp Hưng
12	Khu tái định cư xã Bình Thành phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	5.000	0.000	5.000	3.920	1.080	Xã Bình Thành
13	Trụ sở làm việc phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và các Trạm	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.180	0.000	0.180	0.000	0.180	Thị trấn Cây Dương
B	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất							
C	Công trình, dự án giao, cho thuê và đấu giá quyền sử dụng đất	5	0.700	0.700				
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Chánh	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.080	0.080				Xã Hiệp Hưng
2	Nhà văn hóa ấp Quyết Thắng B	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.040	0.040				Xã Hiệp Hưng

3	Nhà văn hóa – khu thể thao ấp Quyết Thắng A	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.110	0.110				Xã Hiệp Hưng
4	Nhà văn hóa ấp Lái Hiếu	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.030	0.030				Xã Hiệp Hưng
5	Trường Mẫu giáo Hòa An (nay là Trường Mẫu giáo Hương Sen)	Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	0.440	0.440				Xã Hòa An
IV	Thành phố Ngã Bảy	2	31.990	0.000	31.990	15.530	16.460	
A	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	2	31.990	0.000	31.990	15.530	16.460	
1	Khu đô thị mới Ngã Bảy 3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Cát Tường	26.750	0.000	26.750	15.530	11.220	Phường Ngã Bảy
2	Khu đô thị mới khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy	Công ty Cổ phần Langvie	5.240	0.000	5.240	0.000	5.240	Phường Ngã Bảy
B	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất							
V	Thành phố Vị Thanh	6	129.220	92.590	36.630	29.010	7.620	
A	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	5	125.770	92.590	33.180	29.010	4.170	
1	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu đô thị mới đường Hòa Bình, thành phố Vị Thanh	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang	1.940	0.000	1.940	0.000	1.940	Phường V
2	Khu tái định cư thành phố Vị Thanh (giai đoạn 2)	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	4.000	0.000	4.000	3.800	0.200	Phường IV
3	Trường Tiểu học Trần Quang Diệu, xã Vị Tân	Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh	0.820	0.150	0.670	0.000	0.670	Xã Vị Tân

4	Khu dân cư thương mại Vị Thanh	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp)	83.460	59.850	23.610	23.460	0.150	Phường IV
5	Khu dân cư Thương mại 586	Công ty Cổ phần 586 Hậu Giang	35.550	32.590	2.960	1.750	1.210	Phường VII
B	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất							
C	Công trình, dự án giao, cho thuê và đấu giá quyền sử dụng đất	1	3.450	0.000	3.450	0.000	3.450	
1	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu đô thị mới đường Hòa Bình, thành phố Vị Thanh	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang	3.450	0.000	3.450	0.000	3.450	Phường V
VI	Huyện Vị Thủy	18	6.170	0.670	5.500	4.780	0.720	
A	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	11	5.430	0.000	5.430	4.780	0.650	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Vị Bình 1	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.690	0.000	0.690	0.640	0.050	Xã Vị Bình
2	Trung tâm văn hóa xã Vị Bình	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.290	0.000	0.290	0.260	0.030	Xã Vị Bình
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 9B	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.160	0.000	0.160	0.090	0.070	Xã Vị Bình
4	Nhà văn hóa ấp 9A1	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.040	0.000	0.040	0.000	0.040	Xã Vị Bình
5	Nhà văn hóa ấp 9A2	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.070	0.000	0.070	0.000	0.070	Xã Vị Bình
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.100	0.000	0.100	0.070	0.030	Xã Vị Đông
7	Nhà văn hóa ấp 5	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.040	0.000	0.040	0.000	0.040	Xã Vị Đông
8	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 6	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.090	0.000	0.090	0.000	0.090	Xã Vị Đông
9	Nhà văn hóa ấp 8	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.050	0.000	0.050	0.020	0.030	Xã Vị Đông
10	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.300	0.000	0.300	0.300	0.000	Xã Vị Đông
11	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	3.600	0.000	3.600	3.400	0.200	Thị trấn Nàng Mau

B	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	1	0.070	0.000	0.070	0.000	0.070	
1	Cửa hàng xăng dầu Thanh Văn	Công ty TNHH Xăng dầu Thanh Văn	0.070	0.000	0.070	0.000	0.070	Xã Vĩnh Trung
C	Công trình, dự án giao, cho thuê và đấu giá quyền sử dụng đất	6	0.670	0.670				
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 2	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.090	0.090				Xã Vị Bình
2	Nhà văn hóa ấp 1	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.030	0.030				Xã Vị Đông
3	Nhà văn hóa ấp 2	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.190	0.190				Xã Vị Đông
4	Nhà văn hóa ấp 3	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.030	0.030				Xã Vị Đông
5	Nhà văn hóa ấp 3A	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.140	0.140				Xã Vị Đông
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7	Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy	0.190	0.190				Xã Vị Đông
VII	Thị xã Long Mỹ	4	48.398	17.398	5.000	3.500	1.500	
A	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	1	48.200	17.200	5.000	3.500	1.500	
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp thị xã Long Mỹ		48.200	17.200	5.000	3.500	1.500	Phường Thuận An

B	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất							
C	Công trình, dự án giao, cho thuê và đấu giá quyền sử dụng đất	3	0.198	0.198				
1	Nhà Chữ thập đỏ	Ủy ban nhân dân thị xã Long Mỹ	0.014	0.014				Phường Bình Thạnh
2	Khu đất giáp ranh ông Nguyễn Hiền Ngát	Ủy ban nhân dân thị xã Long Mỹ	0.002	0.002				Phường Thuận An
3	Khu đất giáp siêu thị và khu đa chức năng	Ủy ban nhân dân thị xã Long Mỹ	0.182	0.182				Phường Bình Thạnh
VIII	Huyện Long Mỹ	4	4.700	0.000	4.700	2.590	2.110	
A	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất	1	2.020	0.000	2.020	1.660	0.360	
1	Nhà máy sản xuất đất sạch, phân bón hữu cơ	Công ty TNHH Dasaco Hậu Giang	2.020	0.000	2.020	1.660	0.360	Thị trấn Vĩnh Viễn
B	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	1	2.400	0.000	2.400	0.930	1.470	
1	Khu tái định cư thị trấn Vĩnh Viễn phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2.400	0.000	2.400	0.930	1.470	Thị trấn Vĩnh Viễn
C	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	2	0.280	0.000	0.280	0.000	0.280	
1	Cửa hàng xăng dầu Bảy Châu	Công ty TNHH Xăng dầu Bảy Châu	0.130	0.000	0.130	0.000	0.130	Thị trấn Vĩnh Viễn
2	Cửa hàng xăng dầu Hồng Tím 2	Công ty TNHH xăng dầu Hồng Tím	0.150	0.000	0.150	0.000	0.150	xã Thuận Hòa
D	Công trình, dự án giao, thuê đất							
Tổng diện tích (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)		65	279.040	111.878	141.162	78.663	62.499	

P HUYỆN

Ghi chú
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất của Hộ đạo Cái Chanh
Đầu giá loại đất ONT

Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Điều chỉnh thông tin ghi trong Biểu 10/CH-KH thuộc Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phụng Hiệp từ "HNK và thửa đất số 131, 140, 1661" thành "HNK, CLN và thửa đất số 1814, 1931, 1815, 1454, 250, 285", do sai sót trong quá trình thông tin trích lục lược đồ giải thửa.
Kế hoạch số 19/KH-BCĐ ngày 27/4/2022 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hậu Giang; Công văn số 880/UBND-NCTH ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 6193/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 và Quyết định số 6782/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp
Kế hoạch số 19/KH-BCĐ ngày 27/4/2022 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hậu Giang; Công văn số 880/UBND-NCTH ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 6193/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 và Quyết định số 6782/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp

Kế hoạch số 19/KH-BCĐ ngày 27/4/2022 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hậu Giang; Công văn số 880/UBND-NCTH ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 6193/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 và Quyết định số 6782/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp
Kế hoạch số 19/KH-BCĐ ngày 27/4/2022 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hậu Giang; Công văn số 880/UBND-NCTH ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 6193/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 và Quyết định số 6782/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp
Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND tỉnh Hậu Giang
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Dự án đề nghị điều chỉnh tên dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Ngã Bảy từ "Khu đô thị mới khu vực 3, phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy" thành "Khu đô thị mới khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy"
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh

Theo Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang
Theo Công văn số 880/UBND-NCTH ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm năm 2022 của UBND huyện Vị Thủy
Theo Công văn số 880/UBND-NCTH ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm năm 2022 của UBND huyện Vị Thủy
Theo Công văn số 880/UBND-NCTH ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm năm 2022 của UBND huyện Vị Thủy
Theo Công văn số 880/UBND-NCTH ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm năm 2022 của UBND huyện Vị Thủy
Theo Công văn số 880/UBND-NCTH ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm năm 2022 của UBND huyện Vị Thủy
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh

Điều chỉnh diện tích theo số liệu đo đạc thực tế sau khi trừ đất giao thông theo Quy hoạch diện tích là 0,014ha
Điều chỉnh diện tích theo số liệu đo đạc thực tế
Công văn số 2139/VP.UBND-NC ngày 01/6/2022
Theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh
Theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh
Theo Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh
Theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh